

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6- QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 18- 6- 2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tấn Vũ
2. Ông Trần Thanh Hoài

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Danh- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2026/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1998

Bị đơn: Anh Võ Đình T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường S, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/01/2026 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu D trình bày:

Chị và anh Võ Đình T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường S, tỉnh Quảng Ngãi) vào năm 2016. Trong quá trình chung sống, chị và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do quan điểm và tư tưởng sống không phù hợp, cách nuôi dạy con cái không giống nhau. Mặc dù hai gia đình cũng đã can thiệp, hòa giải nhưng không thành. Đến

nay tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Võ Đình T**.

Về con chung: Chị và anh **T** có 02 con chung là: **Võ Đình N**, sinh ngày 26/4/2017 và **Võ Đình N1**, sinh ngày 29/7/2018; hai con chung đang ở với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con; hiện nay anh **T** đang làm nghề nhôm kính có thu nhập ổn định nên chị yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng cho hai con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Võ Đình T** đã nhận các thông báo của Tòa án nhưng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.*

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị **Nguyễn Thị Thu D** được ly hôn anh **Võ Đình T**. Về con chung: giao con chung là hai cháu **Võ Đình N** và **Võ Đình N1** cho chị **D** được trực tiếp nuôi dưỡng, anh **T** phải cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật; tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thu D** có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh **Võ Đình T** ở **Tổ dân phố C, phường S, tỉnh Quảng Ngãi** nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh **Võ Đình T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh **T**.

[3] Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Thu D** và anh **Võ Đình T** tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại **UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi** (nay là **UBND phường S, tỉnh Quảng Ngãi**), do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị **D** và anh **T** là hoàn toàn hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra

mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Về phía anh **T** đã được Tòa án thông báo về việc hòa giải nhưng anh **T** không đến tham gia. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị **D** và anh **T** đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị **D** được ly hôn anh **T**.

[4] Về con chung: Chị **D** và anh **T** còn hai con chung là **Võ Đình N**, sinh ngày 26/4/2017 và **Võ Đình N1**, sinh ngày 29/7/2018; khi ly hôn chị **D** yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay hai cháu đang ở với chị **D** và có nguyện vọng được ở với chị **D**. Về phía anh **T** không có ý kiến phản đối. Do đó để đảm bảo điều kiện về mọi mặt hai cháu nên giao cháu **N** và cháu **N1** cho chị **D** tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng cho con: Chị **D** yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai con 5.000.000 đồng. Anh **T** không có ý kiến phản đối. Xét yêu cầu của chị **D**, Hội đồng xét xử xét thấy, anh **T** đang trong độ tuổi lao động, có nghề nghiệp nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Về mức cấp dưỡng để chi phí cho việc chăm sóc, giáo dục cho hai con **N** và **N1** so với nhu cầu tình hình thực tế tại địa phương thì mức cấp dưỡng mà chị **D** đưa ra là có cơ sở và phù hợp với Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/7/2026 cho đến khi cháu **N1** và cháu **N** đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị **D** khai không có.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị **Nguyễn Thị Thu D** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, anh **Võ Đình T** phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 56, 81, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị **Nguyễn Thị Thu D** được ly hôn anh **Võ Đình T**.

2. Về con chung: Giao cháu **Võ Đình N**, sinh ngày 26/4/2017 và cháu **Võ Đình N1**, sinh ngày 29/7/2018 cho chị **Nguyễn Thị Thu D** được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh **Võ Đình T** có nghĩa cấp dưỡng cho hai cháu, mỗi cháu, mỗi tháng 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/7/2026 cho đến khi cháu **N** và cháu **N1** đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh **Võ Đình T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị **D** khai không có.

4. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Thu D** phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000265 ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Anh **Võ Đình T** phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng cho con.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 6- Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- UBND phường Sa Huỳnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hồng Mỹ

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Thùy Trâm Bùi Thị C

Đoàn Thị Hồng M

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phổ Khánh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hồng Mỹ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Cẩm

Trà Thị Lệ

Đoàn Thị Hồng Mỹ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phổ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hồng Mỹ

--	--

